UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

1. **Tên ngành, nghề: LOGISTICS** **Mã nghề: 5810206**
2. **Trình độ đào tạo: Trung cấp** **Lớp: T26LG1**
3. **Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.**
4. **Mục tiêu đào tạo**

4.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics trình độ trung cấp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, học sinh sẽ có kiến thức về cơ sở lý luận nền tảng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc trong lĩnh vực Logistics, có khả năng tự học tập, làm việc và thăng tiến trong môi trường làm việc, cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

Học sinh tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp ngành Logistics, đủ khả năng tiếp tục học lên chương trình cao hơn.

4.2 Mục tiêu cụ thể

❖ *Về kiến thức*

- Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics, và phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các tổ chức:
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về giáo dục chính trị, giáo dục quốc phòng và an ninh, pháp luật, giáo dục thể chất;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, marketing căn bản, marketing quốc tế, luật thương mại;
- Trình bày được các kiến thức chuyên môn về nhập môn Logistics, quản trị quan hệ khách hàng, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, nghiệp vụ mua hàng, vận tải đa phương thức, tài chính doanh nghiệp, quản trị kênh phân phối, quản trị chất lượng, thanh toán quốc tế, thủ tục hải quan,
- Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của ngành nghề Logistics;
- Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại một doanh nghiệp Logistics;
- Xác định được cách thiết lập và duy trình mối quan hệ với đối tác và khách hàng;
- Cập nhật được các quy định và chính sách về thủ tục kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong hoạt động Logistics;

❖ *Về kỹ năng*

- Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, cũng như các kỹ năng tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả trong hoạt động Logistics:
- Thực hiện được các nghiệp vụ Logistics như: Vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Thực hiện được các phương thức vận tải hàng hóa, thủ tục hải quan;
- Sử dụng được các công cụ marketing nhằm thuyết phục khách hàng thuê các dịch vụ Logistics;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt trình độ A1, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc, và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;
- Có khả năng sử dụng kỹ năng phần mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

❖ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế thế giới:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà Nước, nội qui làm việc tại đơn vị;

+ Giao tiếp hiệu quả thông qua viết văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ tình huống;

+ Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận hoàn thành được mục tiêu trong công việc;

+ Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và tuân thủ đúng luật thương mại, luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

+ Có tinh thần hợp tác trong công việc, thiện chí trong tiếp nhận ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;

+ Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

+ Có ý thức bảo vệ an toàn sức khỏe, và môi trường trong hoạt động Logistics;

+ Ý thức trách nhiệm tự giác tham gia bảo vệ môi trường;

+ Thích ứng được với sự thay đổi trong thời đại 4.0;

+ Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực, và trình độ chuyên môn thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- *Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:*

- Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc ở những tổ chức và đảm nhận các vị trí công việc như:

+ Nơi làm việc:

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngành, nhề Logistics trình độ trung cấp tại Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, chủ yêu làm việc Tại các bộ phận, phòng ban về vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có hoạt động Logistics gồm: Hãng tàu, hãng hàng không, công ty giao nhận, kho hàng, công ty chuyển phát nhanh, công ty thương mại điện tử, kho hàng, trung tâm phân phối hàng, công ty xuất nhập khẩu, đại lý thương mại, nhà bán lẻ, doanh nghiệp sản xuất...

+ Vị trí việc làm có thể đảm nhận:

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí công việc như: Nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên giao nhận, đại lý hãng tàu, nhân viên quản lý chất lượng, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ...

+ Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, học sinh có cơ hội thăng tiến và phát triển tại vị trí công việc cao hơn, học lên ở các trình độ cao hơn, hoặc khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực Logitics.

- Khả năng học tập và nâng cao trình độ:

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông liên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề, hoặc trong nhóm ngành, nghề, hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

5. Khoá học: 2026-2028

6. Thời gian khoá học: 02 năm (từ tháng 9/2026 đến tháng 8/2028)

7. Thời gian học tập: 82 tuần, trong đó thời gian kiểm tra, thi kết thúc môn học/mô-đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 162 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hè và dự phòng: 22 tuần

9. Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo:

Quyết định số 379/QĐ-CĐKTNTT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ.

10. Lịch học toàn khóa:

KHÓA HỌC 2026-2028

THÁNG	8	9-2026				10-2026					11-2026				12-2026				1-2027					2-2027				3-2027				4-2027					5-2027				6-2027				7-2027					8-2027			
TUẦN	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
NGÀY Từ	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23
Đến	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29
T26	S	S	←	–	–	–	→						17T						→	P	←			TẾT NĐ ĐINH MÙI						18T												→	P	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	P

THÁNG	8	9-2027				10-2027					11-2027				12-2027				1-2028					2-2028				3-2028				4-2028					5-2028				6-2028				7-2028					8-2028			
TUẦN	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
NGÀY Từ	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21
Đến	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	05	12	19	26	02	09	16	23	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27
T26		S	←										17T						→	P	P	TẾT NĐ MẬU THÂN	←					15T+8T												P	X	X	X	X	X	X	X	X	P	Ô	P	T	P
																																									(HKDN+ TTTN)												

Ghi chú:

S	: Sinh hoạt đầu năm, đầu khóa.
P	: Dự phòng; dạy bù; thi lần 2...
← – →	: Tuyển sinh
←——→	: Thời gian thực học LT+TH
Ô	: Ôn thi TN
T	: Thi tốt nghiệp
X, HKDN	: Thực tập tốt nghiệp, Học kỳ doanh nghiệp
H	: HSSV Nghỉ hè

11. Phân bổ thời gian học tập:

- Số lượng môn học: **26** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **65 Tín chỉ (1470 giờ)**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **255 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1215 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **558 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **948 giờ**

12. Nội dung chương trình

TT	MÃ MH/ MĐ	TÊN MÔN HỌC / MÔ-ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT…	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			**11**	**255**	**82**	**153**	**20**
1	130101	Giáo dục chính trị	2	30	24	3	3
2	130102	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	15	27	3
3	130103	Giáo dục thể chất	1	30	4	23	3
4	130104	Pháp luật	1	15	9	4	2
5	130107	Tiếng Anh 1	2	60	10	45	5
6	130108	Tiếng Anh 2	1	30	5	22	3
7	530101	Tin học	2	45	15	29	1
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			**53**	**1200**	**447**	**695**	**59**
II. 1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CƠ SỞ			15	270	162	88	20
8	610107	Quản trị học	3	60	30	27	3
9	610103	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	7	3
10	610108	Marketing cơ bản	2	45	15	27	3
11	610109	Luật thương mại	2	45	15	27	3
12	610105	Kinh tế vi mô	4	60	55	0	5
13	610110	Marketing quốc tế	2	30	27	0	3
II.2. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			28	570	255	280	35
14	610401	Nhập môn Logistics	2	45	15	27	3
15	610402	Quản trị quan hệ khách hàng	2	45	15	27	3
16	610423	Tin học ứng dụng	3	60	30	26	4

17	610404	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu.	2	45	15	27	3
18	610405	Nghiệp vụ mua hàng	2	45	15	27	3
19	610406	Vận tải đa phương thức	3	60	30	27	3
20	610407	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2	45	15	27	3
21	610203	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	25	5
22	610408	Quản trị kênh phân phối	3	45	30	12	3
23	610410	Thanh Toán quốc tế	3	60	30	27	3
24	610411	Thủ tục hải quan	3	60	30	27	3
II.3. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN TỰ CHỌN			*3*	*45*	*30*	*12*	*3*
25a	610417	Quản trị chất lượng (*)	3	45	30	12	3
25b	610418	Quản trị chiến lược	3	45	30	12	3
25c	610419	Quản trị dự án	3	45	30	12	3
II.4 THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			*7*	*315*	*0*	*315*	*0*
26	630401	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	315	0
TỔNG CỘNG			**64**	**1455**	**529**	**848**	**78**

13. Thi tốt nghiệp

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức	Phương pháp đánh giá
		Thời gian ôn thi (giờ)	Thời gian thi (Phút, Giờ)	Kế hoạch thi (từ ... đến ....)		
1	Lý thuyết chuyên môn	04 giờ	+ Viết: 150 phút; + Trắc nghiệm: 90 phút; + Vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh;	Từ ngày 14/8/2028 đến ngày 20/8/2028	-Viết hoặc Trắc nghiệm hoặc vấn đáp	Được đánh giá qua bài viết, hoặc trắc nghiệm. Cách tính điểm thực hiện theo quy chế hiện hành.

2	Thực hành : Thực hành kỹ năng tổng hợp	8 giờ	- 01 ngày (không quá 8 giờ)	Từ ngày 14/8/2028 đến ngày 20/8/2028	-Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Được đánh giá qua các bài thi thực hành hoặc tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trong quá trình thực hiện bài thi về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cách tính điểm được thực hiện theo quy chế hiện hành.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo (thực hiện);
- Khoa Kinh tế (thực hiện);
- Lưu: ĐT.

-

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

1. **Tên ngành, nghề: NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG** **Mã nghề: 5810206**
2. **Trình độ đào tạo: Trung cấp** **Lớp: T26NH1**
3. **Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.**
4. **Mục tiêu đào tạo**

4.1 Mục tiêu chung:

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Nghiệp vụ nhà hàng trình độ Trung cấp người học có khả năng trở thành nhân viên tại các nhà hàng, trung tâm hội nghị với đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, có sức khỏe; tạo điều kiện cho người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm đồng thời và điều hành tại các nhà hàng phục vụ ăn uống tại các chuỗi nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, resort cao cấp hay các cơ sở kinh doanh ăn uống.

Người học tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp, đủ khả năng tiếp tục học lên chương trình cao hơn.

4.2 Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Nghiệp vụ nhà hàng trình độ Trung cấp người học có khả năng:

❖ ***Kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về tâm lý khách hàng, marketing nhà hàng khách sạn, … đáp ứng được yêu cầu cần thiết hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng như: cách tổ chức kinh doanh nhà hàng khách sạn, kỹ năng giao tiếp, kiến thức văn hóa ẩm thực vùng miền, cách dịch vụ chăm sóc khách hàng…

- Mô tả được các mối quan hệ giữa bộ phận phục vụ ăn uống với các bộ phận có liên quan, nhiệm vụ hàng ngày của nhân viên;

- Trình bày được các kiến thức chuyên môn về quy trình tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại các nhà hàng và các cơ sở kinh doanh ăn uống.

❖ *Kỹ năng:*

- Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề;

- Có khả năng làm được các công việc như pha chế các loại nước có cồn và không cồn cơ bản; phục vụ bàn; lễ tân nhà hàng, khách sạn, trung tâm hội nghị...

- Chế biến, trang trí được một số món ăn cơ bản Á, Âu.

- Sử dụng được các trang thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng, khách sạn.

- Tổ chức được việc đón tiếp và phục vụ các đoàn khách tại các bộ phận lễ tân, bar, bàn.

- Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, làm việc độc lập, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt với khách hàng và trong nội bộ nhà hàng.

- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ A1 hoặc tương đương, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương, ứng dụng được công nghệ thông tin vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận;

- Tuân thủ các quy định của luật du lịch, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với khách hàng, với tổ chức kinh doanh nhà hàng khách sạn;

- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Tự đánh giá hoạt động làm việc của cá nhân hay của nhóm và có ý thức nâng cao kết quả thực hiện.

❖ *Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:*

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân viên đón tiếp khách, phục vụ nhà hàng, phục vụ trung tâm hội nghị, phục vụ tiệc cưới cao cấp;
- Nhân viên pha chế và phục vụ quầy bar; quản lý quầy bar.
- Nhân viên phụ bếp và chế biến món ăn;
- Nhân viên tiếp tân, thu ngân, đặt phòng, trực tổng đài;
- Tự tổ chức kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
- Điều hành nhóm phục vụ.
- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Nghiệp vụ nhà hàng trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

5. Khoá học: 2026-2028

6. Thời gian khoá học: 02 năm (từ tháng 9/2026 đến tháng 8/2028)

7. Thời gian học tập: 82 tuần, trong đó thời gian kiểm tra, thi kết thúc môn học/mô-đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 162 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hè và dự phòng: 22 tuần

9. Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo:

Quyết định số 379 /QĐ-CĐKTNTT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ.

10. Lịch học toàn khóa:

KHÓA HỌC 2026-2028

THÁNG		8	9-2026				10-2026					11-2026				12-2026				1-2027					2-2027				3-2027				4-2027					5-2027				6-2027				7-2027					8-2027			
TUẦN		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
NGÀY	Từ	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23
	Đến	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29
T26		S	S											17T							P				TẾT NĐ ĐINH MÙI							18T											P	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	P

THÁNG		8	9-2027				10-2027					11-2027				12-2027				1-2028					2-2028				3-2028				4-2028					5-2028				6-2028				7-2028					8-2028			
TUẦN		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
NGÀY	Từ	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21
	Đến	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	05	12	19	26	02	09	16	23	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27
T26			S											17T							P	P	TẾT NĐ MẬU THÂN							15T+8T										P	X	X	X	X	X	X	X	X	P	Ô	P	T	P
																																									(HKDN+ TTTN)														

Ghi chú:

S	: Sinh hoạt đầu năm, đầu khóa.
P	: Dự phòng; dạy bù; thi lần 2...
←– →	: Tuyển sinh
←——→	: Thời gian thực học LT+TH
Ô	: Ôn thi TN
T	: Thi tốt nghiệp
X, HKDN	: Thực tập tốt nghiệp, Học kỳ doanh nghiệp
H	: HSSV Nghỉ hè

11. Phân bổ thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **1440** giờ/**60** tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: **24 môn học**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **255 giờ/11 tín chỉ**
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **1185 giờ/49 tín chỉ**
- Khối lượng lý thuyết: **448** giờ; thực hành, thực tập: **992 giờ**

12. Nội dung chương trình

STT	MÃ MH/ MĐ	TÊN MÔN HỌC / MÔ-ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT…	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			**11**	**255**	**82**	**153**	**20**
1	130101	Giáo dục chính trị	2	30	24	3	3
2	130102	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	15	27	3
3	130103	Giáo dục thể chất	1	30	4	23	3
4	130104	Pháp luật	1	15	9	4	2
5	130107	Tiếng Anh 1	2	60	10	45	5
6	130108	Tiếng Anh 2	1	30	5	22	3
7	530101	Tin học	2	45	15	29	1
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			**43**	**915**	**356**	**497**	**62**
II.1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CƠ SỞ			***15***	***255***	***176***	***58***	***21***
8	610103	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	7	3
9	610111	Kỹ năng cắm hoa nghệ thuật	2	45	15	26	4
10	610112	Tổng quan Nhà hàng khách sạn	2	30	27	0	3
11	610113	Văn hóa ẩm thực	3	45	42	0	3
12	610114	Marketing nhà hàng	3	45	42	0	3
13	610124	Tổ chức sự kiện	3	60	30	25	5
II.2. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			***26***	***615***	***165***	***412***	***38***

14	610527	Tiếng Anh nhà hàng 1	2	45	15	27	3
15	610528	Tiếng Anh nhà hàng 2	2	45	15	27	3
16	610534	Nghiệp vụ chế biến món ăn 1	4	90	30	55	5
17	610504	Nghiệp vụ chế biến món ăn 2	2	60	0	56	4
18	610507	Nghiệp vụ Bar 1	3	60	30	26	4
19	610508	Nghiệp vụ Bar 2	2	60	0	56	4
20	610529	Nghiệp vụ Lễ tân	3	75	15	55	5
21	610522	Nghiệp vụ Nhà hàng 1	4	90	30	55	5
22	610523	Nghiệp vụ Nhà hàng 2	4	90	30	55	5
II.3. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN TỰ CHỌN HOẶC NÂNG CAO			***2***	***45***	***15***	***27***	***3***
23a	610530	Dịch vụ chăm sóc khách hàng*	2	45	15	27	3
23b	610531	Môi trường và an toàn an ninh trong khách sạn	2	45	15	27	3
23c	610532	Vệ sinh dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	2	45	15	27	3
III. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			**6**	**270**	**0**	**267**	**3**
24	630502	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	267	3
TỔNG CỘNG			**60**	**1440**	**438**	**917**	**85**

13. Thi tốt nghiệp

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức	Phương pháp đánh giá
		Thời gian ôn thi (giờ)	Thời gian thi (Phút, Giờ)	Kế hoạch thi (từ ... đến ....)		
1	Lý thuyết chuyên môn	04 giờ	+ Viết: 150 phút; + Trắc nghiệm: 90 phút; + Vấn đáp không quá 40	Từ ngày 14/8/2028 đến ngày 20/8/2028	-Viết hoặc Trắc nghiệm hoặc vấn đáp	Được đánh giá qua bài viết, hoặc trắc nghiệm. Cách tính điểm thực hiện theo quy

			phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh;			chế hiện hành.
2	Thực hành : Thực hành kỹ năng tổng hợp	8 giờ	- 01 ngày (không quá 8 giờ)	Từ ngày 14/8/2028 đến ngày 20/8/2028	-Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Được đánh giá qua các bài thi thực hành hoặc tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trong quá trình thực hiện bài thi về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cách tính điểm được thực hiện theo quy chế hiện hành.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo (thực hiện);
- Khoa Kinh tế (thực hiện);
- Lưu: ĐT.